

Đề 125	Đề 126	Đề 127	Đề 128
1. B	1. A	1. B	1. B
2. C	2. B	2. A	2. C
3. D	3. D	3. C	3. B
4. B	4. B	4. B	4. C
5. A	5. D	5. C	5. C
6. D	6. D	6. A	6. C
7. C	7. B	7. D	7. D
8. C	8. D	8. D	8. D
9. D	9. D	9. D	9. C
10. C	10. B	10. B	10. A
11. A	11. C	11. A	11. A
12. D	12. D	12. D	12. D
13. C	13. A	13. B	13. A
14. D	14. D	14. D	14. A
15. A	15. B	15. C	15. B
16. D	16. B	16. A	16. C
17. C	17. C	17. A	17. B
18. C	18. B	18. D	18. B
19. C	19. B	19. B	19. A
20. C	20. C	20. C	20. D
21. B	21. D	21. C	21. B
22. C	22. A	22. A	22. D
23. C	23. D	23. B	23. C
24. B	24. C	24. B	24. B
25. A	25. A	25. A	25. B
26. D	26. A	26. C	26. B
27. C	27. D	27. B	27. A
28. A	28. B	28. D	28. C
29. B	29. A	29. C	29. A
30. B	30. B	30. C	30. B
31. C	31. C	31. B	31. A
32. B	32. A	32. B	32. B
33. A	33. D	33. A	33. B
34. D	34. B	34. A	34. A
35. A	35. B	35. D	35. A
36. C	36. A	36. D	36. C
37. D	37. D	37. C	37. C
38. D	38. A	38. D	38. B
39. C	39. D	39. D	39. D
40. A	40. C	40. B	40. D

MÃ ĐỀ: 125

(Gồm 3 trang)

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108.

- Câu 1:** Cho các polime sau đây: (1) tơ tằm; (2) sợi bông; (3) sợi đay; (4) tơ enang; (5) tơ visco; (6) tơ nilon-6,6; (7) tơ axetat. Loại tơ có nguồn gốc xenlulozơ là
A. (5), (6), (7). **B.** (2), (3), (5), (7). **C.** (1), (2), (6), (7). **D.** (2), (3), (6).
- Câu 2:** Đun nóng este $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, đun nóng. Sản phẩm thu được là
A. HCOONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. **B.** CH_3COONa và CH_3OH .
C. CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. **D.** $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH .
- Câu 3:** Cho dãy các kim loại: Fe, Au, Al, Cu. Kim loại dẫn điện kém nhất là
A. Al. **B.** Cu. **C.** Au. **D.** Fe.
- Câu 4:** Trong các ion sau: Zn^{2+} , Cu^{2+} , Fe^{2+} , Fe^{3+} , ion có tính oxi hóa yếu nhất là
A. Cu^{2+} . **B.** Zn^{2+} . **C.** Fe^{3+} . **D.** Fe^{2+} .
- Câu 5:** Để trung hòa 20 gam dung dịch của một amin đơn chức X nồng độ 29,5% cần dùng 100 ml dung dịch HCl 1M. Công thức phân tử của X là.
A. $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$. **B.** $\text{C}_3\text{H}_7\text{N}$. **C.** $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$. **D.** CH_5N .
- Câu 6:** Có các phát biểu sau về kim loại và hợp chất của kim loại:
(a) Nhôm vừa tan trong dung dịch HCl, vừa tan trong dung dịch NaOH.
(b) Độ dẫn điện của Cu lớn hơn của Al.
(c) Tất cả các kim loại nhóm IA; IIA đều là kim loại nhẹ.
(d) Ag là kim loại có tính dẻo nhất.
Số phát biểu **đúng** là
A. 3. **B.** 1. **C.** 4. **D.** 2.
- Câu 7:** Tất cả các kim loại Fe, Zn, Cu, Ag đều tác dụng được với dung dịch
A. HCl. **B.** H_2SO_4 loãng. **C.** HNO_3 loãng. **D.** KOH.
- Câu 8:** Khi thủy phân saccarozơ thì thu được
A. glucozơ. **B.** ancol etylic.
C. glucozơ và fructozơ. **D.** fructozơ.
- Câu 9:** Cho 1,86 gam hợp kim Mg và Al vào dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 560 ml khí N_2O (sản phẩm khử duy nhất ở đktc). Khối lượng Mg trong hỗn hợp là
A. 1,62 gam. **B.** 0,22 gam. **C.** 1,64 gam. **D.** 0,24 gam.
- Câu 10:** Dãy chất nào sau đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần tính bazơ
A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, CH_3NH_2 , NH_3 . **B.** CH_3NH_2 , NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, NH_3 , CH_3NH_2 . **D.** NH_3 , CH_3NH_2 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.
- Câu 11:** Cho 8,9 gam alanin phản ứng hết với dung dịch NaOH. Khối lượng muối (gam) thu được
A. 11,1. **B.** 31,9. **C.** 30,9. **D.** 11,2.

- Câu 12:** Dung dịch làm xanh quỳ tím là
A. Glyxin. **B.** Anilin.
C. Phenyl amoni clorua. **D.** Etylamin.
- Câu 13:** Chất nào là dipeptit
A. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{COOH}$.
B. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CONH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CONH}-\text{CH}_2-\text{COOH}$.
C. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CO}-\text{NH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{COOH}$.
D. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{CONH}-\text{CH}_2-\text{CONH}-\text{CH}_2-\text{COOH}$.
- Câu 14:** Hòa tan hết 6,3 gam hỗn hợp gồm Mg và Al vừa đủ trong 150 ml dung dịch gồm HCl 1M và H_2SO_4 1,5M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng được m gam muối khan, giá trị của m là
A. 37,25. **B.** 30,225. **C.** 35,25. **D.** 33,225.
- Câu 15:** Kim loại nào **không** tan trong dung dịch FeCl_3 ?
A. Ag. **B.** Mg. **C.** Fe. **D.** Cu.
- Câu 16:** Hòa tan hoàn toàn 0,15 mol Fe vào dung dịch chứa 0,4 mol H_2SO_4 đặc, nóng chỉ thu được khí SO_2 (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là
A. 53,3. **B.** 22,8. **C.** 26,7. **D.** 27,6.
- Câu 17:** Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp
A. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$. **B.** $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$.
C. $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)\text{COOCH}_3$. **D.** $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$.
- Câu 18:** Đun nóng 37,5 gam dung dịch glucozơ với lượng $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 6,48 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là
A. 12,4 %. **B.** 13,4 %. **C.** 14,4 %. **D.** 11,4 %.
- Câu 19:** Chất thuộc loại disaccarit là
A. Xenlulozơ. **B.** Glucozơ. **C.** Saccarozơ. **D.** Fructozơ.
- Câu 20:** Xà phòng hoá hoàn toàn 22,2 gam hỗn hợp gồm 2 este HCOOC_2H_5 và $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ bằng dung dịch NaOH 1M (đun nóng). Thể tích (ml) dung dịch NaOH tối thiểu cần dùng là
A. 150. **B.** 200. **C.** 300. **D.** 400.
- Câu 21:** Tính chất nào sau đây là tính chất vật lí chung của kim loại?
A. Khối lượng riêng. **B.** Tính dẻo.
C. Nhiệt độ nóng chảy. **D.** Độ cứng.
- Câu 22:** Fructozơ là một loại monosaccarit có nhiều trong mật ong, có vị ngọt sắc. Công thức phân tử của fructozơ là
A. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. **B.** $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$. **C.** $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$. **D.** $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$.
- Câu 23:** Một polime X được xác định có phân tử khối là 26250 đvC với hệ số trùng hợp để tạo nên polime này là 625. Polime X là
A. PE. **B.** PVC. **C.** PP. **D.** Cao su buna.
- Câu 24:** Hợp chất X có công thức cấu tạo: $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}(\text{CH}_3)\text{CH}_3$. Tên gọi của X là
A. propyl propionat. **B.** isopropyl propionat.
C. etyl propionat. **D.** propyl axetat.
- Câu 25:** Cho m (gam) anilin tác dụng hết với dung dịch Br_2 thu được 9,9 gam kết tủa. Giá trị m là
A. 2,79. **B.** 0,93. **C.** 3,72. **D.** 1,86.

- Câu 26:** Hòa tan hết 3,24 gam kim loại M trong dung dịch H_2SO_4 loãng dư, thấy thoát ra 3,024 lít khí H_2 (đktc). Kim loại M là
A. Al. **B.** Na. **C.** Fe. **D.** Mg.
- Câu 27:** Hoà tan m gam Fe vào dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 0,448 lít khí NO duy nhất (đktc). Giá trị của m là
A. 0,56. **B.** 5,6. **C.** 1,12. **D.** 11,2.
- Câu 28:** Nilon-6,6 là một loại
A. tơ poliamit. **B.** tơ axetat. **C.** tơ visco. **D.** tơ polieste.
- Câu 29:** Từ 40,5 kg nguyên liệu chứa 80% tinh bột người ta điều chế $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ với hiệu suất của cả quá trình là 55%. Vậy khối lượng (kg) $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ thu được là
A. 11,04. **B.** 10,12. **C.** 18,40. **D.** 12,04.
- Câu 30:** Cao su lưu hóa có cấu tạo dạng
A. mạch thẳng. **B.** mạng không gian. **C.** mạch vòng. **D.** mạch phân nhánh.
- Câu 31:** Cho dãy các kim loại: Fe, Cu, Mg, Ag, Al, Na, Ba. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch HCl là
A. 6. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 3.
- Câu 32:** Chất **không** tan trong nước lạnh là
A. saccarozơ. **B.** tinh bột. **C.** fructozơ. **D.** glucosơ.
- Câu 33:** Kim loại nào sau đây **không** khử được ion Cu^{2+} trong dung dịch CuSO_4 thành Cu?
A. Li. **B.** Al. **C.** Fe. **D.** Mg.
- Câu 34:** Trong các tên gọi dưới đây, tên nào **không** phù hợp với chất $\text{CH}_3\text{--CH}(\text{NH}_2)\text{--COOH}$?
A. Axit α -aminopropionic. **B.** Alanin.
C. Axit 2-aminopropanoic. **D.** Anilin.
- Câu 35:** Có thể gọi tên este $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$ là
A. triolein. **B.** oleic. **C.** stearic. **D.** tristearin.
- Câu 36:** Kim loại M được tác dụng với các dung dịch HCl, $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, HNO_3 đặc nguội. M là kim loại nào sau đây?
A. Al. **B.** Ag. **C.** Zn. **D.** Fe.
- Câu 37:** Dãy chất nào làm mất màu dung dịch brom?
A. Glucosơ, glyxerol, phenol. **B.** Anilin, glucosơ, fructozơ.
C. Glucosơ, fructozơ, anđehit axetic. **D.** Anilin, phenol, glucosơ.
- Câu 38:** Số đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là
A. 2. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 3.
- Câu 39:** Chất nào là amin bậc 2
A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. **B.** $\text{CH}_3\text{--CH}(\text{CH}_3)\text{--NH}_2$.
C. $\text{CH}_3\text{--NH--CH}_3$. **D.** $\text{H}_2\text{N--}[\text{CH}_2]_6\text{--NH}_2$.
- Câu 40:** Trong các tên gọi dưới đây, tên nào phù hợp với chất $\text{C}_6\text{H}_5\text{--CH}_2\text{--NH}_2$
A. Benzylamin. **B.** Anilin. **C.** Phenylmetylamin. **D.** Phenylamin.

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 126

(Gồm 3 trang)

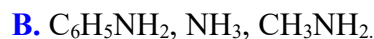
Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108.

- Câu 1:** Cho các polime sau đây: (1) tơ tằm; (2) sợi bông; (3) sợi đay; (4) tơ enang; (5) tơ visco; (6) tơ nilon-6,6; (7) tơ axetat. Loại tơ có nguồn gốc xenlulozơ là
A. (2), (3), (5), (7). **B.** (5), (6), (7). **C.** (2), (3), (6). **D.** (1), (2), (6), (7).
- Câu 2:** Dãy chất nào làm mất màu dung dịch brom?
A. Glucozơ, fructozơ, andehit axetic. **B.** Anilin, phenol, glucozơ.
C. Anilin, glucozơ, fructozơ. **D.** Glucozơ, glyxerol, phenol.
- Câu 3:** Trong các tên gọi dưới đây, tên nào phù hợp với chất $C_6H_5-CH_2-NH_2$
A. Phenylmetylamin. **B.** Phenylamin. **C.** Anilin. **D.** Benzylamin.
- Câu 4:** Cho 8,9 gam alanin phản ứng hết với dung dịch NaOH. Khối lượng muối (gam) thu được
A. 31,9. **B.** 11,1. **C.** 11,2. **D.** 30,9.
- Câu 5:** Hòa tan hết 3,24 gam kim loại M trong dung dịch H_2SO_4 loãng dư, thấy thoát ra 3,024 lít khí H_2 (đktc). Kim loại M là
A. Na. **B.** Al. **C.** Fe. **D.** Mg.
- Câu 6:** Chất nào là đipeptit
A. $H_2N-CH_2-CONH-CH(CH_3)-CONH-CH_2-COOH$.
B. $H_2N-CH_2-CO-NH-CH_2-CH_2-COOH$.
C. $H_2N-CH(CH_3)-CONH-CH_2-CONH-CH_2-COOH$.
D. $H_2N-CH_2-CO-NH-CH(CH_3)-COOH$.
- Câu 7:** Xà phòng hoá hoàn toàn 22,2 gam hỗn hợp gồm 2 este $HCOOC_2H_5$ và CH_3COOCH_3 bằng dung dịch NaOH 1M (đun nóng). Thể tích (ml) dung dịch NaOH tối thiểu cần dùng là
A. 400. **B.** 300. **C.** 150. **D.** 200.
- Câu 8:** Tính chất nào sau đây là tính chất vật lí chung của kim loại?
A. Nhiệt độ nóng chảy. **B.** Độ cứng. **C.** Khối lượng riêng. **D.** Tính dẻo.
- Câu 9:** Fructozơ là một loại monosaccarit có nhiều trong mật ong, có vị ngọt sắc. Công thức phân tử của fructozơ là
A. $C_{12}H_{22}O_{11}$. **B.** $C_2H_4O_2$. **C.** $(C_6H_{10}O_5)_n$. **D.** $C_6H_{12}O_6$.
- Câu 10:** Cho dãy các kim loại: Fe, Cu, Mg, Ag, Al, Na, Ba. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch HCl là
A. 3. **B.** 5. **C.** 4. **D.** 6.
- Câu 11:** Cho dãy các kim loại: Fe, Au, Al, Cu. Kim loại dẫn điện kém nhất là
A. Al. **B.** Cu. **C.** Fe. **D.** Au.
- Câu 12:** Tất cả các kim loại Fe, Zn, Cu, Ag đều tác dụng được với dung dịch
A. HCl. **B.** KOH. **C.** H_2SO_4 loãng. **D.** HNO_3 loãng.

- Câu 13:** Dung dịch làm xanh quỳ tím là
A. Etylamin. **B.** Phenyl amoni clorua.
C. Glyxin. **D.** Anilin.
- Câu 14:** Chất thuộc loại disaccarit là
A. Xenlulozơ. **B.** Glucozơ. **C.** Fructozơ. **D.** Saccarozơ.
- Câu 15:** Kim loại nào sau đây **không** khử được ion Cu^{2+} trong dung dịch CuSO_4 thành Cu?
A. Mg. **B.** Li. **C.** Al. **D.** Fe.
- Câu 16:** Kim loại nào **không** tan trong dung dịch FeCl_3 ?
A. Mg. **B.** Ag. **C.** Fe. **D.** Cu.
- Câu 17:** Đun nóng 37,5 gam dung dịch glucozơ với lượng $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 6,48 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là
A. 11,4 %. **B.** 12,4 %. **C.** 14,4 %. **D.** 13,4 %.
- Câu 18:** Có các phát biểu sau về kim loại và hợp chất của kim loại:
 (a) Nhôm vừa tan trong dung dịch HCl, vừa tan trong dung dịch NaOH.
 (b) Độ dẫn điện của Cu lớn hơn của Al.
 (c) Tất cả các kim loại nhóm IA; IIA đều là kim loại nhẹ.
 (d) Ag là kim loại có tính dẻo nhất.
 Số phát biểu **đúng** là
A. 3. **B.** 2. **C.** 1. **D.** 4.
- Câu 19:** Kim loại M được tác dụng với các dung dịch HCl, $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, HNO_3 đặc nguội. M là kim loại nào sau đây?
A. Ag. **B.** Zn. **C.** Al. **D.** Fe.
- Câu 20:** Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp
A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}=\text{CH}_2$. **B.** $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$.
C. $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)\text{COOCH}_3$. **D.** $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$.
- Câu 21:** Một polime X được xác định có phân tử khối là 26250 đvC với hệ số trùng hợp để tạo nên polime này là 625. Polime X là
A. Cao su buna. **B.** PVC. **C.** PE. **D.** PP.
- Câu 22:** Chất **không** tan trong nước lạnh là
A. tinh bột. **B.** glucozơ. **C.** fructozơ. **D.** saccarozơ.
- Câu 23:** Có thể gọi tên este $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$ là
A. tristearin. **B.** stearic. **C.** oleic. **D.** triolein.
- Câu 24:** Cho m (gam) anilin tác dụng hết với dung dịch Br_2 thu được 9,9 gam kết tủa. Giá trị m là
A. 1,86. **B.** 3,72. **C.** 2,79. **D.** 0,93.
- Câu 25:** Cao su lưu hóa có cấu tạo dạng
A. mạng không gian. **B.** mạch phân nhánh. **C.** mạch thẳng. **D.** mạch vòng.
- Câu 26:** Từ 40,5 kg nguyên liệu chứa 80% tinh bột người ta điều chế $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ với hiệu suất của cả quá trình là 55%. Vậy khối lượng (kg) $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ thu được là
A. 10,12. **B.** 11,04. **C.** 18,40. **D.** 12,04.
- Câu 27:** Chất nào là amin bậc 2
A. $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{NH}_2$. **B.** $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.



Câu 28: Dãy chất nào sau đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần tính bazơ



Câu 29: Cho 1,86 gam hợp kim Mg và Al vào dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 560 ml khí N_2O (sản phẩm khử duy nhất ở đktc). Khối lượng Mg trong hỗn hợp là

A. 0,24 gam.

B. 0,22 gam.

C. 1,64 gam.

D. 1,62 gam.

Câu 30: Nilon-6,6 là một loại

A. tơ polieste.

B. tơ poliamit.

C. tơ axetat.

D. tơ visco.

Câu 31: Số đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

Câu 32: Hợp chất X có công thức cấu tạo: $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}(\text{CH}_3)\text{CH}_3$. Tên gọi của X là

A. isopropyl propionat.

B. propyl propionat.

C. propyl axetat.

D. etyl propionat.

Câu 33: Hoà tan m gam Fe vào dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 0,448 lít khí NO duy nhất (đktc). Giá trị của m là

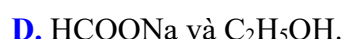
A. 0,56.

B. 11,2.

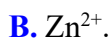
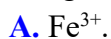
C. 5,6.

D. 1,12.

Câu 34: Đun nóng este $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, đun nóng. Sản phẩm thu được là



Câu 35: Trong các ion sau: Zn^{2+} , Cu^{2+} , Fe^{2+} , Fe^{3+} , ion có tính oxi hóa yếu nhất là



Câu 36: Hòa tan hoàn toàn 0,15 mol Fe vào dung dịch chứa 0,4 mol H_2SO_4 đặc, nóng chỉ thu được khí SO_2 (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là

A. 27,6.

B. 22,8.

C. 53,3.

D. 26,7.

Câu 37: Hòa tan hết 6,3 gam hỗn hợp gồm Mg và Al vừa đủ trong 150 ml dung dịch gồm HCl 1M và H_2SO_4 1,5M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng được m gam muối khan, giá trị của m là

A. 30,225.

B. 35,25.

C. 37,25.

D. 33,225.

Câu 38: Khi thủy phân saccarozơ thì thu được

A. glucozơ và fructozơ.

B. fructozơ.

C. ancol etylic.

D. glucozơ.

Câu 39: Trong các tên gọi dưới đây, tên nào **không** phù hợp với chất $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$?

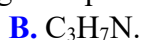
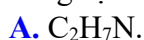
A. Axit α -aminopropionic.

B. Axit 2-aminopropanoic.

C. Alanin.

D. Anilin.

Câu 40: Để trung hòa 20 gam dung dịch của một amin đơn chức X nồng độ 29,5% cần dùng 100 ml dung dịch HCl 1M. Công thức phân tử của X là.



-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 127

(Gồm 3 trang)

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108.

- Câu 1:** Chất **không** tan trong nước lạnh là
A. glucozơ. **B.** tinh bột. **C.** saccarozơ. **D.** fructozơ.
- Câu 2:** Xà phòng hoá hoàn toàn 22,2 gam hỗn hợp gồm 2 este HCOOC_2H_5 và $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ bằng dung dịch NaOH 1M (đun nóng). Thể tích (ml) dung dịch NaOH tối thiểu cần dùng là
A. 300. **B.** 400. **C.** 150. **D.** 200.
- Câu 3:** Cho 1,86 gam hợp kim Mg và Al vào dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 560 ml khí N_2O (sản phẩm khử duy nhất ở đktc). Khối lượng Mg trong hỗn hợp là
A. 1,64 gam. **B.** 1,62 gam. **C.** 0,24 gam. **D.** 0,22 gam.
- Câu 4:** Tính chất nào sau đây là tính chất vật lí chung của kim loại?
A. Khối lượng riêng. **B.** Tính dẻo. **C.** Độ cứng. **D.** Nhiệt độ nóng chảy.
- Câu 5:** Tất cả các kim loại Fe, Zn, Cu, Ag đều tác dụng được với dung dịch
A. HCl. **B.** KOH. **C.** HNO_3 loãng. **D.** H_2SO_4 loãng.
- Câu 6:** Có thể gọi tên este $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$ là
A. triolein. **B.** oleic. **C.** tristearin. **D.** stearic.
- Câu 7:** Cao su lưu hóa có cấu tạo dạng
A. mạch phân nhánh. **B.** mạch thẳng. **C.** mạch vòng. **D.** mạng không gian.
- Câu 8:** Trong các ion sau: Zn^{2+} , Cu^{2+} , Fe^{2+} , Fe^{3+} , ion có tính oxi hóa yếu nhất là
A. Fe^{2+} . **B.** Fe^{3+} . **C.** Cu^{2+} . **D.** Zn^{2+} .
- Câu 9:** Đun nóng este $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, đun nóng. Sản phẩm thu được là
A. CH_3COONa và CH_3OH . **B.** $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH .
C. HCOONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. **D.** CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.
- Câu 10:** Chất nào là amin bậc 2
A. $\text{CH}_3\text{--CH}(\text{CH}_3)\text{--NH}_2$. **B.** $\text{CH}_3\text{--NH--CH}_3$.
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. **D.** $\text{H}_2\text{N--}[\text{CH}_2]_6\text{--NH}_2$.
- Câu 11:** Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp
A. $\text{CH}_2=\text{C}(\text{CH}_3)\text{COOCH}_3$. **B.** $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH=CH}_2$.
C. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$. **D.** $\text{CH}_3\text{COOCH=CH}_2$.
- Câu 12:** Nilon-6,6 là một loại
A. tơ polieste. **B.** tơ axetat. **C.** tơ visco. **D.** tơ poliamit.
- Câu 13:** Số đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là
A. 5. **B.** 3. **C.** 2. **D.** 4.

- Câu 14:** Hợp chất X có công thức cấu tạo: $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}(\text{CH}_3)\text{CH}_3$. Tên gọi của X là
A. propyl axetat. **B.** etyl propionat.
C. propyl propionat. **D.** isopropyl propionat.
- Câu 15:** Cho m (gam) anilin tác dụng hết với dung dịch Br_2 thu được 9,9 gam kết tủa. Giá trị m là
A. 0,93. **B.** 3,72. **C.** 2,79. **D.** 1,86.
- Câu 16:** Cho dãy các kim loại: Fe, Au, Al, Cu. Kim loại dẫn điện kém nhất là
A. Fe. **B.** Al. **C.** Cu. **D.** Au.
- Câu 17:** Từ 40,5 kg nguyên liệu chứa 80% tinh bột người ta điều chế $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ với hiệu suất của cả quá trình là 55%. Vậy khối lượng (kg) $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ thu được là
A. 10,12. **B.** 18,40. **C.** 11,04. **D.** 12,04.
- Câu 18:** Fructozơ là một loại monosaccarit có nhiều trong mật ong, có vị ngọt sắc. Công thức phân tử của fructozơ là
A. $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$. **B.** $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$. **C.** $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. **D.** $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$.
- Câu 19:** Chất thuộc loại disaccarit là
A. Fructozơ. **B.** Saccarozơ. **C.** Glucozơ. **D.** Xenlulozơ.
- Câu 20:** Dung dịch làm xanh quỳ tím là
A. Phenyl amoni clorua. **B.** Glyxin. **C.** Etylamin. **D.** Anilin.
- Câu 21:** Kim loại nào **không** tan trong dung dịch FeCl_3 ?
A. Fe. **B.** Mg. **C.** Ag. **D.** Cu.
- Câu 22:** Trong các tên gọi dưới đây, tên nào phù hợp với chất $\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH}_2\text{-NH}_2$
A. Benzylamin. **B.** Anilin. **C.** Phenylamin. **D.** Phenylmetylamin.
- Câu 23:** Khi thủy phân saccarozơ thì thu được
A. ancol etylic. **B.** glucozơ và fructozơ.
C. glucozơ. **D.** fructozơ.
- Câu 24:** Cho 8,9 gam alanin phản ứng hết với dung dịch NaOH. Khối lượng muối (gam) thu được
A. 11,2. **B.** 11,1. **C.** 30,9. **D.** 31,9.
- Câu 25:** Cho các polime sau đây: (1) tơ tằm; (2) sợi bông; (3) sợi đay; (4) tơ enang; (5) tơ visco; (6) tơ nilon-6,6; (7) tơ axetat. Loại tơ có nguồn gốc xenlulozơ là
A. (2), (3), (5), (7). **B.** (2), (3), (6). **C.** (5), (6), (7). **D.** (1), (2), (6), (7).
- Câu 26:** Hòa tan hoàn toàn 0,15 mol Fe vào dung dịch chứa 0,4 mol H_2SO_4 đặc, nóng chỉ thu được khí SO_2 (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là
A. 53,3. **B.** 22,8. **C.** 27,6. **D.** 26,7.
- Câu 27:** Có các phát biểu sau về kim loại và hợp chất của kim loại:
 (a) Nhôm vừa tan trong dung dịch HCl, vừa tan trong dung dịch NaOH.
 (b) Độ dẫn điện của Cu lớn hơn của Al.
 (c) Tất cả các kim loại nhóm IA; IIA đều là kim loại nhẹ.
 (d) Ag là kim loại có tính dẻo nhất.
 Số phát biểu **đúng** là
A. 3. **B.** 2. **C.** 1. **D.** 4.
- Câu 28:** Dãy chất nào sau đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần tính bazơ
A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, CH_3NH_2 , NH_3 . **B.** CH_3NH_2 , NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.

C. NH_3 , CH_3NH_2 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.

D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, NH_3 , CH_3NH_2 .

Câu 29: Đun nóng 37,5 gam dung dịch glucozơ với lượng $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 6,48 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

A. 11,4 %.

B. 12,4 %.

C. 14,4 %.

D. 13,4 %.

Câu 30: Dãy chất nào làm mất màu dung dịch brom?

A. Glucozơ, glyxerol, phenol.

B. Anilin, glucozơ, fructozơ.

C. Anilin, phenol, glucozơ.

D. Glucozơ, fructozơ, anđehit axetic.

Câu 31: Để trung hòa 20 gam dung dịch của một amin đơn chức X nồng độ 29,5% cần dùng 100 ml dung dịch HCl 1M. Công thức phân tử của X là.

A. CH_5N .

B. $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$.

C. $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$.

D. $\text{C}_3\text{H}_7\text{N}$.

Câu 32: Trong các tên gọi dưới đây, tên nào không phù hợp với chất $\text{CH}_3\text{--CH}(\text{NH}_2)\text{--COOH}$?

A. Axit α -aminopropionic.

B. Anilin.

C. Alanin.

D. Axit 2-aminopropanoic.

Câu 33: Cho dãy các kim loại: Fe, Cu, Mg, Ag, Al, Na, Ba. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch HCl là

A. 5.

B. 6.

C. 4.

D. 3.

Câu 34: Hòa tan hết 3,24 gam kim loại M trong dung dịch H_2SO_4 loãng dư, thấy thoát ra 3,024 lít khí H_2 (đktc). Kim loại M là

A. Mg.

B. Fe.

C. Na.

D. Al.

Câu 35: Hoà tan m gam Fe vào dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 0,448 lít khí NO duy nhất (đktc). Giá trị của m là

A. 11,2.

B. 0,56.

C. 5,6.

D. 1,12.

Câu 36: Một polime X được xác định có phân tử khối là 26250 đvC với hệ số trùng hợp để tạo nên polime này là 625. Polime X là

A. Cao su buna.

B. PVC.

C. PE.

D. PP.

Câu 37: Kim loại nào sau đây **không** khử được ion Cu^{2+} trong dung dịch CuSO_4 thành Cu?

A. Al.

B. Fe.

C. Li.

D. Mg.

Câu 38: Kim loại M được tác dụng với các dung dịch HCl , $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, HNO_3 đặc nguội. M là kim loại nào sau đây?

A. Ag.

B. Fe.

C. Al.

D. Zn.

Câu 39: Hòa tan hết 6,3 gam hỗn hợp gồm Mg và Al vừa đủ trong 150 ml dung dịch gồm HCl 1M và H_2SO_4 1,5M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng được m gam muối khan, giá trị của m là

A. 35,25.

B. 30,225.

C. 37,25.

D. 33,225.

Câu 40: Chất nào là dipeptit

A. $\text{H}_2\text{N--CH}(\text{CH}_3)\text{--CONH--CH}_2\text{--CONH--CH}_2\text{--COOH}$.

B. $\text{H}_2\text{N--CH}_2\text{--CO--NH--CH}(\text{CH}_3)\text{--COOH}$.

C. $\text{H}_2\text{N--CH}_2\text{--CO--NH--CH}_2\text{--CH}_2\text{--COOH}$.

D. $\text{H}_2\text{N--CH}_2\text{--CONH--CH}(\text{CH}_3)\text{--CONH--CH}_2\text{--COOH}$.

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

MÃ ĐỀ: 128

(Gồm 3 trang)

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108.

- Câu 1:** Hòa tan hết 6,3 gam hỗn hợp gồm Mg và Al vừa đủ trong 150 ml dung dịch gồm HCl 1M và H_2SO_4 1,5M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng được m gam muối khan, giá trị của m là
A. 35,25. **B.** 33,225. **C.** 37,25. **D.** 30,225.
- Câu 2:** Tính chất nào sau đây là tính chất vật lí chung của kim loại?
A. Độ cứng. **B.** Nhiệt độ nóng chảy.
C. Tính dẻo. **D.** Khối lượng riêng.
- Câu 3:** Để trung hòa 20 gam dung dịch của một amin đơn chức X nồng độ 29,5% cần dùng 100 ml dung dịch HCl 1M. Công thức phân tử của X là.
A. C_3H_7N . **B.** C_3H_9N . **C.** C_2H_7N . **D.** CH_5N .
- Câu 4:** Cho dãy các kim loại: Fe, Cu, Mg, Ag, Al, Na, Ba. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch HCl là
A. 6. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 3.
- Câu 5:** Trong các tên gọi dưới đây, tên nào phù hợp với chất $C_6H_5-CH_2-NH_2$
A. Anilin. **B.** Phenylamin. **C.** Benzylamin. **D.** Phenylmetylamin.
- Câu 6:** Tất cả các kim loại Fe, Zn, Cu, Ag đều tác dụng được với dung dịch
A. H_2SO_4 loãng. **B.** KOH. **C.** HNO_3 loãng. **D.** HCl.
- Câu 7:** Cho dãy các kim loại: Fe, Au, Al, Cu. Kim loại dẫn điện kém nhất là
A. Al. **B.** Au. **C.** Cu. **D.** Fe.
- Câu 8:** Số đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $C_4H_{11}N$ là
A. 2. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 3.
- Câu 9:** Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp
A. $CH_3COOCH=CH_2$. **B.** $CH_2=CHCOOCH_3$.
C. $CH_2=C(CH_3)COOCH_3$. **D.** $C_6H_5CH=CH_2$.
- Câu 10:** Hòa tan hết 3,24 gam kim loại M trong dung dịch H_2SO_4 loãng dư, thấy thoát ra 3,024 lít khí H_2 (đktc). Kim loại M là
A. Mg. **B.** Fe. **C.** Na. **D.** Al.
- Câu 11:** Chất nào là amin bậc 2
A. $CH_3-NH-CH_3$. **B.** $H_2N-[CH_2]_6-NH_2$.
C. $CH_3-CH(CH_3)-NH_2$. **D.** $C_6H_5NH_2$.
- Câu 12:** Từ 40,5 kg nguyên liệu chứa 80% tinh bột người ta điều chế C_2H_5OH với hiệu suất của cả quá trình là 55%. Vậy khối lượng (kg) C_2H_5OH thu được là
A. 11,04. **B.** 12,04. **C.** 18,40. **D.** 10,12.
- Câu 13:** Chất thuộc loại disaccarit là
A. Saccarozơ. **B.** Fructozơ. **C.** Glucozơ. **D.** Xenlulozơ.

- Câu 14:** Dung dịch làm xanh quỳ tím là
A. Etylamin. **B.** Anilin.
C. Glyxin. **D.** Phenyl amoni clorua.
- Câu 15:** Đun nóng este $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, đun nóng. Sản phẩm thu được là
A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH . **B.** CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.
C. HCOONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. **D.** CH_3COONa và CH_3OH .
- Câu 16:** Xà phòng hoá hoàn toàn 22,2 gam hỗn hợp gồm 2 este HCOOC_2H_5 và $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ bằng dung dịch NaOH 1M (đun nóng). Thể tích (ml) dung dịch NaOH tối thiểu cần dùng là
A. 150. **B.** 400. **C.** 300. **D.** 200.
- Câu 17:** Chất **không** tan trong nước lạnh là
A. fructozơ. **B.** tinh bột. **C.** glucozơ. **D.** saccarozơ.
- Câu 18:** Fructozơ là một loại monosaccarit có nhiều trong mật ong, có vị ngọt sắc. Công thức phân tử của fructozơ là
A. $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$. **B.** $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$. **C.** $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. **D.** $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$.
- Câu 19:** Hợp chất X có công thức cấu tạo: $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}(\text{CH}_3)\text{CH}_3$. Tên gọi của X là
A. isopropyl propionat. **B.** propyl propionat.
C. propyl axetat. **D.** etyl propionat.
- Câu 20:** Dãy chất nào làm mất màu dung dịch brom?
A. Glucozơ, glyxerol, phenol. **B.** Glucozơ, fructozơ, andehit axetic.
C. Anilin, glucozơ, fructozơ. **D.** Anilin, phenol, glucozơ.
- Câu 21:** Cho các polime sau đây: (1) tơ tằm; (2) sợi bông; (3) sợi đay; (4) tơ enang; (5) tơ visco; (6) tơ nilon-6,6; (7) tơ axetat. Loại tơ có nguồn gốc xenlulozơ là
A. (5), (6), (7). **B.** (2), (3), (5), (7). **C.** (2), (3), (6). **D.** (1), (2), (6), (7).
- Câu 22:** Cho 8,9 gam alanin phản ứng hết với dung dịch NaOH. Khối lượng muối (gam) thu được
A. 30,9. **B.** 31,9. **C.** 11,2. **D.** 11,1.
- Câu 23:** Có thể gọi tên este $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$ là
A. tristearin. **B.** oleic. **C.** triolein. **D.** stearic.
- Câu 24:** Cho 1,86 gam hợp kim Mg và Al vào dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 560 ml khí N_2O (sản phẩm khử duy nhất ở đktc). Khối lượng Mg trong hỗn hợp là
A. 1,64 gam. **B.** 0,24 gam. **C.** 1,62 gam. **D.** 0,22 gam.
- Câu 25:** Hòa tan hoàn toàn 0,15 mol Fe vào dung dịch chứa 0,4 mol H_2SO_4 đặc, nóng chỉ thu được khí SO_2 (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là
A. 26,7. **B.** 27,6. **C.** 53,3. **D.** 22,8.
- Câu 26:** Đun nóng 37,5 gam dung dịch glucozơ với lượng $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 6,48 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là
A. 11,4 %. **B.** 14,4 %. **C.** 13,4 %. **D.** 12,4 %.
- Câu 27:** Nilon-6,6 là một loại
A. tơ poliamit. **B.** tơ polieste. **C.** tơ axetat. **D.** tơ visco.
- Câu 28:** Khi thủy phân saccarozơ thì thu được
A. ancol etylic. **B.** glucozơ.
C. glucozơ và fructozơ. **D.** fructozơ.

- Câu 29:** Trong các ion sau: Zn^{2+} , Cu^{2+} , Fe^{2+} , Fe^{3+} , ion có tính oxi hóa yếu nhất là
A. Zn^{2+} . **B.** Fe^{2+} . **C.** Cu^{2+} . **D.** Fe^{3+} .
- Câu 30:** Cho m (gam) anilin tác dụng hết với dung dịch Br_2 thu được 9,9 gam kết tủa. Giá trị m là
A. 1,86. **B.** 2,79. **C.** 3,72. **D.** 0,93.
- Câu 31:** Trong các tên gọi dưới đây, tên nào không phù hợp với chất $\text{CH}_3\text{--CH}(\text{NH}_2)\text{--COOH}$?
A. Anilin. **B.** Alanin.
C. Axit α -aminopropionic. **D.** Axit 2-aminopropanoic.
- Câu 32:** Một polime X được xác định có phân tử khối là 26250 đvC với hệ số trùng hợp để tạo nên polime này là 625. Polime X là
A. PVC. **B.** PP. **C.** Cao su buna. **D.** PE.
- Câu 33:** Kim loại nào **không** tan trong dung dịch FeCl_3 ?
A. Fe. **B.** Ag. **C.** Cu. **D.** Mg.
- Câu 34:** Chất nào là dipeptit
A. $\text{H}_2\text{N--CH}_2\text{--CO--NH--CH}(\text{CH}_3)\text{--COOH}$.
B. $\text{H}_2\text{N--CH}_2\text{--CONH--CH}(\text{CH}_3)\text{--CONH--CH}_2\text{--COOH}$.
C. $\text{H}_2\text{N--CH}_2\text{--CO--NH--CH}_2\text{--CH}_2\text{--COOH}$.
D. $\text{H}_2\text{N--CH}(\text{CH}_3)\text{--CONH--CH}_2\text{--CONH--CH}_2\text{--COOH}$.
- Câu 35:** Có các phát biểu sau về kim loại và hợp chất của kim loại:
(a) Nhôm vừa tan trong dung dịch HCl, vừa tan trong dung dịch NaOH.
(b) Độ dẫn điện của Cu lớn hơn của Al.
(c) Tất cả các kim loại nhóm IA; IIA đều là kim loại nhẹ.
(d) Ag là kim loại có tính dẻo nhất.
Số phát biểu **đúng** là
A. 2. **B.** 4. **C.** 1. **D.** 3.
- Câu 36:** Kim loại M được tác dụng với các dung dịch HCl, $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, HNO_3 đặc nguội. M là kim loại nào sau đây?
A. Al. **B.** Ag. **C.** Zn. **D.** Fe.
- Câu 37:** Hoà tan m gam Fe vào dung dịch HNO_3 loãng dư thu được 0,448 lít khí NO duy nhất (đktc). Giá trị của m là
A. 5,6. **B.** 11,2. **C.** 1,12. **D.** 0,56.
- Câu 38:** Kim loại nào sau đây **không** khử được ion Cu^{2+} trong dung dịch CuSO_4 thành Cu?
A. Fe. **B.** Li. **C.** Al. **D.** Mg.
- Câu 39:** Dãy chất nào sau đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần tính bazơ
A. CH_3NH_2 , NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$. **B.** NH_3 , CH_3NH_2 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, CH_3NH_2 , NH_3 . **D.** $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, NH_3 , CH_3NH_2 .
- Câu 40:** Cao su lưu hóa có cấu tạo dạng
A. mạch thẳng. **B.** mạch vòng. **C.** mạch phân nhánh. **D.** mạng không gian.

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:..... Số báo danh:.....